

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 02/2021/HSST
Ngày 26/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Phùng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thám.

2. Ông Trần Văn Trước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đ diện Viện kiểm sát huyện nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Hà – Chức vụ: Kiểm sát viên .

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HS ngày 22/12/2020 đối với bị cáo:

Võ Trung T, sinh năm: 1997, tại: huyện T, Quảng Nam.

Trú tại: Tổ 11, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Cơ khí;

Con ông: Võ Trung A, sinh năm: 1968; Con bà: Lê Thị Hồng H, sinh năm: 1969; Vợ: Lê Thị P, sinh năm: 2001(đã ly hôn), bị cáo có 01 con sinh ngày 05/01/2020.

Tiền án, Tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Chị Lê Thị P, sinh năm: 2001.

Trú tại: Tổ 13, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Người làm chứng:

1. Chị Đặng Thị Thôi B, sinh năm: 2001.

Trú tại: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

2. Chị Lê Thị Thúy H, sinh năm: 2001.

Trú tại: Tổ 6, thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

3. Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm: 1994.

Trú tại: Tổ 9, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

(Bị hại P có mặt, các nhân chứng đều vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 30/9/2019, chị Lê Thị P cùng nhóm bạn gồm: Chị Đặng Thị Thôi B, chị Lê Thị Thúy H, anh Nguyễn Trọng Đ đi chơi ở Thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, cả nhóm ra về, anh Đ điều khiển xe mô tô Vision (không rõ biển kiểm soát) chở chị P đi sau cùng. Khi anh Đ chở chị P về đến đoạn đường QL1A trước Trạm dừng nghỉ B, thuộc xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, thì có Võ Trung T (là chồng của chị P) đi làm ở T về nhìn thấy. T điều khiển xe đi gần xe anh Đ và nói: “*Hạnh phúc quá hê*”. Sau đó, T điều khiển xe vượt lên chặn trước đầu xe của anh Đ, anh Đ dừng xe lại, chị P bước xuống xe. T đi lại dùng chân phải đạp vào chân trái của chị P. T tiến tới dùng tay phải tát vào mặt chị P 03 cái. Anh Đ thấy vậy nên đi lại thì T nói: “Anh không có liên quan”. Tiếp đó T mở cốp xe lấy 01 con dao (loại dao cạo dài 18cm, lưỡi dao rộng 8cm) đem ra cầm trên tay phải. Nhìn thấy vậy, anh Đ bỏ chạy bộ về hướng Quán Gò, chị P bỏ chạy theo QL1A về hướng T. T đuổi theo chị P, chị P vừa chạy được một đoạn thì bị vấp ngã xuống đường nhựa, T xông đến dùng chân đá liên tục vào người chị P. T dùng tay phải cầm con dao chém nhiều cái vào mũ bảo hiểm chị P đang đội trên đầu, chị P đưa tay lên đỡ thì bị thương ở cẳng tay phải và cẳng tay trái. Sau đó, T điều khiển xe bỏ đi, chị P được anh Đ đưa đi sơ cứu tại bệnh viện Minh Thiện rồi chuyển sang bệnh viện Đa khoa Quảng Nam điều trị, đến ngày 05/10/2020 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định số 372/GĐTT.20 ngày 15/10/2020 và Công văn số 196/GĐPY ngày 23/11/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam, kết luận: Tỷ lệ thương tích của bà Lê Thị P là 13%.

Thương tích chi tiết:

- Ngang qua mặt sau ngoài đoạn 1/3 dưới cánh tay phải có vết rách da và cơ đã lành còn đóng vảy dài 8cm, rộng 0,1cm (đứt đầu dưới cơ tam đầu cánh tay phải đã được phẫu thuật khôi phục hồi tạm ổn). *Vết thương do vật sắc cạnh gây nên*. Hướng hơi chệch từ sau ra trước, từ phải sang trái. Vận động gấp, duỗi khớp khuỷu phải được bình thường. Tỷ lệ thương tích 07%.

- Mặt ngoài đoạn 1/3 dưới cẳng tay và cổ tay bên phải có hai vết rách da đã lành còn đóng vảy chạy gần song song cách nhau 0,4cm; vết phía trên dài 1,5cm, rộng 0,1cm. Vết thương do vật sắc cạnh gây nên. Hướng từ sau ra trước, từ trên xuống dưới, từ phải sang trái, vết phía trước dài 4,5cm, rộng 0,1cm (đứt gân dẹt ngón cái đã khâu phục hồi tạm ổn). *Vết thương do vật sắc cạnh gây nên*. Hướng từ trên xuống dưới, từ phải sang trái. Vận động gấp, ngửa cổ tay phải được bình thường. Tỷ lệ thương tích 02%.

- Mặt sau khuỷu tay và đoạn 1/3 trên cẳng tay trái có mảng xước da không liên tục đã lành sẹo tập T trên diện dài 9cm, chỗ rộng nhất 4,5cm. *Vết thương do vật tày có diện rộng không B phẳng tác động gây nên*. Hướng từ sau ra trước, từ trên xuống dưới. Tỷ lệ thương tích 01%.

- Mặt sau đoạn 1/3 trên cẳng tay trái có vết rách da đã lành sẹo dài 3cm, rộng 0,1cm. *Vết thương do vật sắc cạnh gây nên*. Hướng từ sau ra trước, từ dưới lên trên. Tỷ lệ thương tích 02%.

- Bệnh nhân van đau vùng bả vai hai bên, không thấy xát da, tụ máu dưới da, ấn đau nhẹ, đau chủ yếu đau da và cơ. *Sang chấn này do vật tày không có cạnh tác động gây nên*, sau thời gian điều trị sẽ khỏi nên không xếp tỉ lệ thương tích.

Mặt ngoài gò trái có vết xát da đã lành còn đóng vảy dài 3m, rộng 2cm. *Vết thương do vật tày tác động gây nên*. Hướng từ trái sang phải. Tỉ lệ thương tích 01%.

Tại bản cáo trạng số: 65/CT-VKSTB-HS ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Võ Trung T về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa bị cáo Võ Trung T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Vào tối khoảng 21g ngày 30/9/2020, trên đường đi làm cơ khí ở thành phố T về lại nhà ở B, khi đến trạm nghỉ B thì bị cáo bắt gặp vợ mình là Lê Thị P đang ngồi sau xe do anh Đ chở. Hai người ôm nhau rất tình tứ. Bị cáo chạy xe lên ngang hàng với hai người họ và nói hạnh phúc quá em hì. Lúc này vợ bị cáo giả bộ ngó lơ qua hướng khác. Bị cáo tức quá chạy xe máy lên phía trước và đón đầu hai người họ lại. Lúc này Đ xông đến phía bị cáo định đánh bị cáo nên bị cáo chạy về phía xe mô tô và lấy cái sủi B sắt là dụng cụ lao động của bị cáo chạy đến để đánh trả. Đ và P bỏ chạy, bị cáo đuổi theo thì P bị té ngã xuống đất. Bị cáo dùng cái sủi sắt đánh P mấy cái và sau đó bị cáo đi về. Hiện nay bị cáo đã bồi thường chi phí điều trị cho P và đã được bãi nại xin giảm nhẹ. Bị cáo có vợ là Lê Thị P nhưng từ khi sinh con ra được mấy ngày thì P về nhà cha mẹ mình sống. Bị cáo nuôi con từ đó cho đến nay, vợ bị cáo không nuôi con, hiện nay vợ chồng bị cáo đã ly hôn và Tòa án giải quyết giao con cho bị cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo cáo điều kiện nuôi con.

* Tại phiên tòa bị hại Lê Thị P khai nhận: Hôm đó chị P cùng các bạn đi xem múa lân ở Tam kỳ khi về thì gặp T. Vì sợ bị Công an đón nên chị P nhờ anh Đ chở trên xe của chị P. Khi đi về thì gặp T, T đã dùng tay chân và cái sủi sắt đánh chị bị thương tích. Giữa chị P và T là vợ chồng nhưng trước đây T cùng hay mâu thuẫn và đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng chị và gia đình chồng rất thường xuyên. Khi chị sinh con ở bệnh viện được 04 ngày thì T cùng mẹ chồng ra chửi chị nói chị không biết nuôi con và dành con không cho chị nuôi. Chị về nhà cha mẹ ruột của mình sống ly thân với nhau đã lâu. Hiện nay vợ chồng chị đã ly hôn nhau. Bản thân chị đã nhận đủ số tiền bồi thường và chị không yêu cầu về phần dân sự. Chị P xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T để bị cáo có điều kiện nuôi con nhỏ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng. Tại phiên Tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ N cáo trạng truy tố bị cáo với hành vi dùng hung khí nguy hiểm là dao sắt, gây thương tích cho chị P với tỷ lệ thương tích 13%. Giữ N tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Ngoài ra Đ diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy

tổ bị cáo Võ Trung T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại không yêu cầu bồi thường, có đơn xin bãi nại. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo nuôi con còn nhỏ. Về tình tiết tăng nặng: Không có. Đ diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Đề nghị tuyên bị cáo Võ Trung T phạm tội: “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Võ Trung T từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

* Về xử L vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao loại dao cạo dùng trong cơ khí, dài 18cm, lưỡi dao rộng 8cm là hung khí mà Võ Trung T dùng để chém chị Lê Thị P.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền và đã bãi nại nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều đúng quy định pháp luật.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào bản kết luận giám định số 372/GĐTT.20 ngày 15/10/2020 và Công văn số 196/GĐPY ngày 23/11/2020 của T tâm pháp y tỉnh Quảng Nam, kết luận: Tỷ lệ thương tích của bà Lê Thị P là 13%.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Vào khoảng 21 giờ ngày 30/9/2020, trên đoạn đường Quốc lộ 1A trước Trạm dừng nghỉ B, thuộc xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Võ Trung T phát hiện anh Nguyễn Trọng Đ đang chở vợ của bị cáo là Lê Thị P trên xe mô tô. Bị cáo T bức xúc đón xe của chị P và anh Đ lại. Sau đó bị cáo đã dùng chân, tay đánh chị Lê Thị P, chị P bỏ chạy và bị vấp ngã, tiếp tục bị cáo dùng 01 cái sủi B sắt, loại dụng cụ làm cơ khí dài 18cm, lưỡi rộng 8cm chém vào tay chị P, gây thương tích 13%.

Đối chiếu với các quy định pháp luật, hành vi và hậu quả của bị cáo T gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cố ý gây thương tích”. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm, gây

thương tích cho bị hại P 13%. Nên xử bị cáo T theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự như cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của C dân được pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức, điều khiển và làm chủ hành vi của mình. Bị cáo là người đủ độ tuổi để chịu trách nhiệm hình sự với mọi tội phạm do mình gây ra. Tuy nhiên, do bức xúc khi thấy vợ mình đang đi cùng xe mô tô với người khác nên bị cáo đã ghen tuông dùng tay, chân và hung khí gây thương tích cho bị hại P. Điều này thể hiện sự hung hăng, coi thường pháp luật của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trong địa phương, gây tâm L hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần phải xử phạt nghiêm minh bằng Luật hình sự với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

- Xét nhân thân của bị cáo xuất thân là nhân dân lao động, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Hiện nay vợ chồng bị cáo đã ly hôn và bản thân bị cáo từ trước đến nay đang trực tiếp nuôi con còn nhỏ 12 tháng tuổi. Sau khi phạm tội bị cáo biết ăn năn hối cải và khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã bồi thường toàn bộ chi phí cho phía bị hại và đã được bị hại P bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

- Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tuy nhiên bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, đang nuôi con còn nhỏ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và bị hại cũng đã xin giảm nhẹ cho bị cáo. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, không cần thiết cách ly bị cáo mà có thể miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo nuôi con nhỏ.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị P đã nhận số tiền 20.000.000 đồng và đã bãi nại không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Vật chứng vụ án: Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tịch thu tiêu hủy: 01 con dao loại dao cạo dùng trong cơ khí, dài 18cm, lưỡi dao rộng 8cm là hung khí mà Võ Trung T dùng để chém chị Lê Thị P.

Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[6] Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo Võ Trung T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để khắc phục hậu quả tại biên lai thu số: 0001346 ngày 08/12/2020. Hội đồng xét xử xét về thấy trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại và bị hại Lê Thị P đã bãi nại. Do vậy, Hội đồng xét xử trả lại số tiền trên cho bị cáo Võ Trung T là thỏa đáng.

[7] Tiếp tục áp dụng biện pháp: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Võ T T trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 26/01/2021.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Võ T T phải chịu theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[9] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: **Võ Trung T** phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo:

Võ Trung T 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **36** (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/01/2021.

Giao bị cáo Võ Trung T cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

* Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao loại dao cạo dùng trong cơ khí, dài 18cm, lưỡi dao rộng 8cm.

Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

* Các biện pháp tư pháp khác: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự;

Tuyên trả cho bị cáo Võ Trung T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tại biên lai thu số: 0001346 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

* Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123; Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Võ T T trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 26/01/2021.

* Về án phí: Áp dụng các Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án; Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành